

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/KDTM-ST
Ngày: 14/07/2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lưới.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị TH Oanh
2. Bà Trần Thị Đúng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị TH Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2019/TLST-KDTM ngày 10 tháng 07 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-KDTM ngày 18/05/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2020/QĐST-KDTM ngày 17/06/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ACB (ACB)

Địa chỉ: Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đ – Giám đốc phòng quản lý nợ, (văn bản ủy quyền lập ngày 26/06/2019).

Người đại diện theo ủy quyền (ủy quyền lại): Ông NBL, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Cách mạng tháng 8, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, (văn bản ủy quyền lập ngày 27/03/2020), (có mặt).

2. Bị đơn: CT VN

Địa chỉ: A9/251/1 ấp 1, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà D - Tổng giám đốc, (vắng mặt)

Địa chỉ: Phường 9, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông TTT, sinh năm 1974, (vắng mặt).

3.2. Bà NTTTT, sinh năm 1976, (vắng mặt).

Địa chỉ: 2A L Trung, phường L Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/5/2019, bản tự khai ngày 09/8/2019, ngày 14/7/2020 và trong quá trình xét xử, đại diện của nguyên đơn trình bày:

ACB (ACB) có cấp tín dụng cho CT VN theo Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số HHU.DN.03.230317 ngày 23/3/2017. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số HHU.DN.1066.160418 ngày 17/4/2018 thì: Hạn mức thấu chi là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), mục đích cho vay là để bổ sung vốn lưu động kinh doanh sản xuất và thương mại bê tông theo đúng giấy phép đăng ký kinh doanh, phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức thấu chi T qua sử dụng tài khoản thanh toán của Bên được cấp tín dụng, thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, phương thức thấu chi: T qua tài khoản thanh toán số 236083639 của Bên được cấp tín dụng tại ACB, lãi suất vay trong hạn là 9,5 %/năm và sẽ được điều chỉnh theo quy định hoặc T báo của ACB trong toàn bộ thời gian thực tế Bên được cấp tín dụng có hạn mức tín dụng và/hoặc số tiền thấu chi, kể cả thời gian vượt quá thời gian sử dụng hạn mức tín dụng hoặc thời gian thanh toán số tiền thấu chi theo HMTTC (nếu Bên được cấp tín dụng không trả nợ đúng hạn), lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm.

Khoản vay trên được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm sau: cam kết trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ của ông TTT và bà NTTTT ký vào ngày 14/4/2015. Theo đó, ông T và bà TH đồng ý trả thay cho Bên được cấp tín dụng là CT VN các khoản nợ của Bên được cấp tín dụng với ACB khi Bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. ACB có quyền yêu cầu một trong hai bên (Bên cam kết và Bên được cấp tín dụng) hoặc cả hai bên cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ và Bảo lãnh của ông TTT và bà NTTTT theo Chứng thư bảo lãnh ký ngày 10/4/2016. Theo đó, Bên bảo lãnh chịu trách nhiệm trả thay cho Bên được bảo lãnh (CT VN) các khoản nợ của Bên được bảo lãnh với ACB khi Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Nghĩa vụ được bảo lãnh bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của Bên được bảo lãnh với ACB (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác).

Ngày 17/4/2019, khoản vay đáo hạn nhưng CT VN không thanh toán nợ vay cho ACB. Vì vậy, kể từ ngày 18/4/2019, ACB đã chuyển toàn bộ khoản nợ vay còn lại chưa thanh toán sang nợ quá hạn.

Nay ông NBL đại diện theo ủy quyền của ACB (ACB) yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giải quyết:

Buộc CT VN trả ngay cho ACB tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 14/7/2020 là 565.268.189 đồng, trong đó vốn gốc 454.981.644 đồng, lãi trong hạn 66.457.697 đồng, lãi quá hạn 33.228.848 đồng, phí quản lý tài khoản 10.600.000 đồng.

CT VN tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số HHU.DN.1066.160418 kể từ ngày 15/7/2020 cho đến ngày trả dứt nợ.

CT VN phải trả nợ theo thứ tự vốn gốc, phí quản lý tài khoản, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

Ông TTT và bà NTTTT liên đới có trách nhiệm trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ ký ngày 14/4/2015 và Chứng thư bảo lãnh ký ngày 10/4/2016 trong trường hợp CT VN không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên Tòa, ông NBL giữ nguyên yêu cầu như trên.

CT VN, ông TTT, bà NTTTT mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng CT VN không cử người tham gia tố tụng, ông T, bà TH vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Ngân hàng TMCP Á Châu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với CT VN. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn có trụ sở tại địa bàn huyện Bình Chánh, nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: CT VN, ông TTT và bà NTTTT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa Ngân hàng TMCP Á Châu và CT VN được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1] Căn cứ vào Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số HHU.DN.03.230317 ngày 23/03/2017 và Hợp đồng cấp tín dụng số HHU.DN.1066.160418 ngày 17/4/2018, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay thì đủ cơ sở xác định Ngân hàng TMCP Á Châu cấp tín dụng cho CT VN theo hạn mức thấu chi là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), CT VN được giải ngân số tiền 998.140.000 đồng (chín trăm chín mươi tám triệu một trăm bốn mươi ngàn đồng), lãi suất theo thỏa thuận tại thời điểm ký hợp đồng cấp tín dụng, phương thức cho vay theo hạn mức thấu chi T qua sử dụng tài khoản thanh toán của bên được cấp tín dụng, thời hạn hiệu lực hạn mức thấu chi là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

[4.2] Để đảm bảo cho hợp đồng cấp tín dụng này thì ông TTT và bà NTTTT có giấy cam kết về việc trả nợ ngày 14/04/2015, chứng thư bảo lãnh ngày 10/04/2016 đồng ý trả

nợ thay cho CT VN khi CT VN không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

[4.3] Quá trình thực hiện hợp đồng, CT VN đã trả cho Ngân hàng TMCP Á Châu số tiền nợ gốc 443.158.356 đồng, ông TTT đã trả cho Ngân hàng TMCP Á Châu số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng. Theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng cấp tín dụng thì thời hạn vay đã hết, Ngân hàng TMCP Á Châu đã T báo chuyển nợ quá hạn ngày 17/4/2019.

[4.4] CT VN đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn vay và tiền lãi nên Ngân hàng TMCP Á Châu chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu CT VN trả toàn bộ số tiền vốn, lãi vay còn nợ theo hợp đồng cấp tín dụng và phí quản lý tài khoản.

[4.5] Căn cứ vào hợp đồng cấp tín dụng số HHU.DN.1066.160418 ngày 17/04/2018, T báo về việc điều chỉnh mức phí Quản lý tài khoản tiền gửi có gắn kết với hạn mức thấu chi ngày 17/04/2018, bảng kê chi tiết tính lãi tại phiên tòa hôm nay thì việc Ngân hàng TMCP Á Châu yêu cầu CT VN trả số tiền tính đến ngày 14/7/2020 là 565.268.189 đồng, trong đó vốn gốc 454.981.644 đồng, lãi trong hạn 66.457.697 đồng, lãi quá hạn 33.228.848 đồng, phí quản lý tài khoản 10.600.000 đồng cộng với tiền lãi phát sinh tính từ ngày 15/7/2020 cho đến khi CT VN thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên là có cơ sở chấp nhận theo các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4.6] Xét yêu cầu ông TTT và bà NTTTT có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy cam kết về việc trả nợ ngày 14/04/2015 và chứng thư bảo lãnh ngày 10/04/2016:

Tại khoản 1 của Giấy cam kết về việc trả nợ thể hiện: “Nghĩa vụ trả nợ bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp tín dụng với ACB (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác) theo các hợp đồng tín dụng, bảo lãnh, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ, các cam kết của bên được cấp tín dụng khi được ACB cấp tín dụng dưới hình thức khác (chiết khấu, cấp thẻ tín dụng, mở L/C ...) và các cam kết khác của bên được cấp tín dụng với ACB. Các nghĩa vụ trả nợ là các nghĩa vụ của bên được cấp tín dụng với ACB bao gồm cả các nghĩa vụ phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký cam kết này”.

Tại khoản 2 của Giấy cam kết về việc trả nợ cũng xác định: “Bên cam kết đồng ý trả nợ thay cho bên được cấp tín dụng các khoản nợ của bên được cấp tín dụng với ACB khi bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ”.

Tại khoản 1 của Chứng thư bảo lãnh thể hiện: “Nghĩa vụ được bảo lãnh bao gồm toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bên được bảo lãnh với ACB (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí, các khoản phải trả khác) theo các hợp đồng tín dụng, bảo lãnh, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ, các cam kết của bên được bảo lãnh khi được ACB cấp tín dụng dưới hình thức khác (chiết khấu, cấp thẻ tín dụng, mở L/C ...) và các cam kết khác của bên được bảo lãnh với ACB. Các nghĩa vụ được bảo lãnh là các nghĩa vụ của bên được bảo lãnh với ACB bao gồm cả các nghĩa vụ phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký chứng thư này”.

Tại khoản 2 của Chứng thư bảo lãnh cũng xác định: “Bên bảo lãnh chịu trách nhiệm trả thay cho bên được bảo lãnh các khoản nợ của bên được bảo lãnh với ACB khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ”.

Như vậy nội dung của Giấy cam kết về việc trả nợ và Chứng thư bảo lãnh đã qui định cụ thể phạm vi bảo lãnh và trách nhiệm bảo lãnh. Nội dung này phù hợp với Điều 335, 336 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về biện pháp đảm bảo bằng bảo lãnh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.7] Tòa án triệu tập CT VN, ông TTT và bà NTTTT đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Á Châu nhưng CT VN không cử người tham gia tố tụng để giải quyết vụ án, ông TTT và bà NTTTT không đến Tòa. Vì vậy, CT VN, ông TTT và bà NTTTT đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời trình bày và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[4.8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4.9] Từ những lý lẽ đã viện dẫn; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á Châu và buộc CT VN có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Á Châu số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí quản lý tài khoản theo hợp đồng cấp tín dụng, T báo về việc điều chỉnh mức phí Quản lý tài khoản tiền gửi có gắn kết với hạn mức thấu chi và quyền yêu cầu trả nợ theo giấy cam kết về việc trả nợ, chứng thư bảo lãnh để thu hồi nợ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 335, 336, 339, 342, 385, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng ACB:

1.1. Buộc CT VN có trách nhiệm trả cho Ngân hàng ACB số tiền tính đến ngày 14/07/2020 là 565.268.189 đồng (năm trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn một trăm tám mươi chín đồng), trong đó vốn gốc là 454.981.644 đồng, lãi trong hạn là 66.457.697 đồng, lãi quá hạn là 33.228.848 đồng, phí quản lý tài khoản là 10.600.000 đồng.

1.2. Kể từ ngày 15/07/2020, CT VN còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng cấp tín dụng số HHU.DN.1066.160418 ngày 17/4/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng ACB thì lãi suất mà CT VN phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng ACB theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng ACB.

1.3. Trường hợp CT VN không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì Ngân hàng ACB được quyền yêu cầu ông TTT và bà NTTTT thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hoàn tất khoản nợ của CT VN đối với Ngân hàng ACB theo giấy cam kết về việc trả nợ ngày 14/04/2015 và chứng thư bảo lãnh ngày 10/04/2016.

2. Về án phí:

2.1. CT VN chịu 26.610.728 đồng (hai mươi sáu triệu sáu trăm mười ngàn bảy trăm hai mươi tám đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2.2. Hoàn lại cho Ngân hàng ACB số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.787.466 đồng (mười ba triệu bảy trăm tám mươi bảy ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0002423 ngày 08 tháng 07 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Lưu VP, hồ sơ.

Huỳnh Văn Lưới